

Số: 2310/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 04 tháng 11 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất tại trung tâm thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng



CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND&UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 07/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất; Thông tư 117/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất; Nghị định 120/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất; Thông tư số 93/2011/TT-BTC ngày 29/6/2011 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 117/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản; Thông tư số 48/2012/TT-BTC ngày 16/3/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định giá khởi điểm và chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Quyết định số 20/2010/QĐ-UBND ngày 22/7/2010 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất; Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND ngày 11/01/2013 của UBND tỉnh ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố của tỉnh năm 2013;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 453/TTr-STC ngày 30/10/2013;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất tại trung tâm thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng (chi tiết như phụ lục kèm theo);

Giá khởi điểm trên chưa bao gồm các khoản thuế, phí và lệ phí theo quy định của pháp luật hiện hành và có giá trị đến hết ngày 30/9/2014. Khi giá đất trên thị trường trong điều kiện bình thường tăng, giảm trên 20%, UBND huyện Krông Năng có trách nhiệm lập phương án và thống nhất với các Sở, ngành có liên quan, đề xuất UBND tỉnh xem xét quyết định.

Điều 2. Giao UBND huyện Krông Năng tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất nêu tại Điều 1 Quyết định này đảm bảo theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Krông Năng; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. *✓*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh; *✓*
- Lưu: VT, NN&MT, TCTM. (c. 06)

20/10/2013

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hiếu

UBND HUYỆN KRÔNG NĂNG
Số: 158/ SY

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND huyện;
- Phòng TCKH, TNMT, TTPTQĐ;
- Lãnh đạo VP;
- Chuyên viên VP.
- Lãnh đạo (15 bộ).

SAO Y BẢN CHÍNH

Krông Năng, ngày 07 tháng 11 năm 2013

**TL. CHỦ TỊCH
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Phan Viết Nghĩa



PHÂN CÔNG VIỆC ĐỀ TỎ CHỨC ĐÁU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT CÁC THỬA ĐẤT
TÀ LƯU TRUNG TÂM THỊ TRẤN KHÔNG NẰNG, HUYỆN KHÔNG NẰNG
(theo Quyết định số 310 /QĐ-UBND, ngày 04 / 11 /2013 của UBND tỉnh).

STT	Tên thửa đất	Số thửa	Hệ số góc	Diện tích (m ²)	Giá đất theo QĐ số 02/2013-QĐ-UBND (đồng/m ²)	UBND huyện đề nghị giá khởi điểm		UBND tỉnh phê duyệt giá khởi điểm	
						Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng/thửa)	Đơn giá (đồng/m ²)	Thành tiền (đồng/thửa)
I	Tổ dân phố 3	18							
1	Thửa số 40	1	1,1	85,60	350000	1.800.000	169.488.000	1.800.000	169.000.000
2	Từ thửa số 41 đến 46	6	1,0	93,60	350000	1.800.000	168.480.000	1.800.000	168.000.000
3	Từ thửa số 47, 48	2	1,0	101,30	350000	1.800.000	182.340.000	1.800.000	182.000.000
4	Thửa số 49	1	1,0	101,90	350000	1.800.000	183.420.000	1.800.000	183.000.000
5	Thửa số 50	1	1,0	102,40	350000	1.800.000	184.320.000	1.800.000	184.000.000
6	Thửa số 51	1	1,0	102,90	350000	1.800.000	185.220.000	1.800.000	185.000.000
7	Thửa số 52	1	1,0	103,50	350000	1.800.000	186.300.000	1.800.000	186.000.000
8	Thửa số 53	1	1,0	124,80	350000	1.800.000	224.640.000	1.800.000	225.000.000
9	Thửa số 54	1	1,0	125,60	350000	1.800.000	226.080.000	1.800.000	226.000.000
10	Thửa số 127	1	1,0	129,80	280000	1.500.000	194.700.000	1.500.000	195.000.000
11	Thửa số 128	1	1,0	112,40	280000	1.500.000	168.600.000	1.500.000	169.000.000
12	Thửa số 129	1	1,0	112,90	280000	1.500.000	169.350.000	1.500.000	169.000.000
II	Tổ dân phố 5	3							
1	Thửa số 67	1	1,0	151,20	1.200.000	3.500.000	529.200.000	3.500.000	529.000.000
2	Thửa số 68	1	1,0	152,10	1.200.000	3.500.000	532.350.000	3.500.000	532.000.000
3	Thửa số 69	1	1,0	154,70	1.200.000	3.500.000	541.450.000	3.500.000	541.000.000
Tổng số thửa		21							